

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **121/2022/HNGĐ-ST**.
Ngày: 06/9/2022.
V/v: Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Xuân Tuất
2. Ông Trần Văn Ân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Sùng A Tình - Thư ký tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:* Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 644/2022/TLST -HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu P, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp 6, xã A, huyện T, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Ngô Hồng T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp Độc Lập, xã G, huyện T, tỉnh Đ.

(Bà P, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thu Pg trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Hồng T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh

Đ. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên cãi vã nhau. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông T để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Có 01 cháu tên Ngô Minh K, sinh ngày 24/10/2019. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Minh K và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết .

- Về nợ chung: Không có.

*** *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Hồng T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thu P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đ. Quá trình vợ chồng chung sống vẫn bình thường, không xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng để dẫn đến việc hai vợ chồng phải ly hôn. Vì vậy, nay bà P xin ly hôn thì ông không đồng ý vì còn tình cảm thương yêu vợ con, không muốn gia đình tan vỡ.

- Về con chung: Có 01 cháu tên Ngô Minh K, sinh ngày 24/10/2019. Trường hợp, Tòa án cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Minh K và ông không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết .

- Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà P, ông T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà P yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao cháu Ngô Minh K, sinh ngày 24/10/2019 cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà P phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Bà P xin ly hôn với ông T có địa chỉ cư trú tại: Ấp Độc Lập, xã G, huyện T, tỉnh Đ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có mặt nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P, ông T kết hôn với nhau vào năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 53 ngày 28/11/2018 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà P trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên cãi vã nhau. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông T. Ông T trình bày: vợ chồng chung sống vẫn bình thường, không xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng để dẫn đến việc hai vợ chồng phải ly hôn. Vì vậy, nay bà P xin ly hôn thì ông không đồng ý vì còn tình cảm thương yêu vợ con, không muốn gia đình tan vỡ.

Xét thấy, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A và Ủy ban nhân dân xã G thì địa phương không biết được tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của ông T, bà P vì cả hai không có trình báo với chính quyền địa phương. Trong quá trình làm việc, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông T đều có mặt với mong muốn vợ chồng hàn gắn với nhau; cho thấy ông T luôn thiết tha, mong muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với bà P nên cần tạo điều kiện để các bên có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thu P xin ly hôn với ông Ngô Hồng T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: do không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thu P xin ly hôn với ông Ngô Hồng T nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 203, 220, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 54, 56 Luật Hôn nhân gia đình.
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thu P xin ly hôn với ông Ngô Hồng T.

1. Về con chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.
2. Về tài sản chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 0001278 ngày 16/6/2022.
5. Bà Nguyễn Thu P và ông Ngô Hồng T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS H. Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự H. Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ;
- UBND xã Giang Điền, H. Trảng Bom.
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

THẨM

- Tòa án tỉnh

tòa

- VKS TP Biên Hòa

- Các đương sự

- Thi hành án

- Lưu hồ sơ

- UBND P. Tam Hiệp, TP Biên Hòa

- Lưu VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Trần Thị Mỹ Hạnh